

Bản án số: 01/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 25/01/2019

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Bà Phạm Thị Hợi

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2018/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1969.

ĐKHKTT: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Ở hiện nay: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. *Người làm chứng:* Bà Phi Thị T, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Chị D có mặt, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2018, bản tự khai, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Huy H trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh H (*nay là huyện T, tỉnh Hải Dương*) ngày 19/3/1989. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, cả hai đều làm nông nghiệp. Vợ chồng hạnh

phúc được khoảng 27 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống nên thường hay xảy ra xô xát cãi chửi nhau, nên chị về sống cùng bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương từ tháng 6/2016 cho tới nay, cũng từ đó hai người không quan tâm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, không thể đoàn tụ chung sống với nhau được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H có 04 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 21/01/1989; Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/10/1992; Nguyễn Thị H, sinh ngày 05/9/1995 và Nguyễn Thị G, sinh ngày 18/9/2000. Các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị anh Nguyễn Huy H là bị đơn trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống giữa anh chị đúng như chị D trình bày, còn về mâu thuẫn là do không thống nhất về quan điểm sống kinh tế gặp khó khăn dẫn tới vợ chồng cãi chửi nhau và chị D đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương từ tháng 6/2016 cho tới nay. Anh xác định hôn nhân giữa anh và chị D không còn hạnh phúc, không thể quay lại đoàn tụ với nhau được nữa, nên anh nhất trí ly hôn chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung như chị D trình bày là đúng, các con của anh chị đã trưởng thành và ở riêng nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, công nợ: Chị D và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà Phi Thị T mẹ của anh Nguyễn Huy H trình bày: Vợ chồng D, H sống hạnh phúc được 27 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, chị D đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6 năm 2016 cho tới nay. Chị D xin ly hôn với anh H, Tòa án thông báo và triệu tập anh H đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, bà đã thông báo cho anh H và giao các giấy tờ của Tòa án cho anh H, anh H xin vắng mặt và có quan điểm xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau và nhất trí ly hôn với chị D, bà không nợ gì vợ chồng chị D, anh H và vợ chồng cũng không nợ gì bà.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Huy H; anh Nguyễn Huy H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong

vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS; đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 78 của BLTTDS; Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều: 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Huy H; Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Anh H đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Bị đơn là anh Nguyễn Huy H đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa, tuy nhiên anh H bận nên không tham gia tố tụng được, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Huy H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Huy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh H (*nay là huyện T, tỉnh H*) ngày 19/3/1989. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc được 27 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gặp khó khăn, chị D đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 6/2016, anh chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai, giữa anh chị cũng không có biện pháp gì cải thiện quan hệ tình cảm. Nay cả chị D, anh H đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh H thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Sự tự nguyện ly hôn của chị D, anh H không trái pháp luật, do vậy căn cứ các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị D được ly hôn với anh H.

[3] Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị D, anh H đều không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, các điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Nguyễn Huy H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0004955 ngày 19/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện T
- UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tú